

Số: 186 /TB -UBND

Gia Lâm, ngày 12 tháng 4 năm 2018

## THÔNG BÁO

### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2018**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2016;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 12/4/2018 về báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân huyện Gia Lâm Quý I năm 2018, UBND huyện Gia Lâm Thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán Quý I năm 2018 như sau:

#### **1. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2018**

##### **1.1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2018**

- Cân đối ngân sách Huyện Quý I (Biểu số 93/CK-NSNN).
- Thực hiện thu NSNN huyện Quý I (Biểu số 94/CK-NSNN).
- Thực hiện chi ngân sách huyện Quý I (Biểu số 95/CK-NSNN).

##### **1.2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2018**

**2. Hình thức công khai:** Công bố trên Cổng thông tin điện tử Huyện và gửi Thông báo công khai cho các phòng, ban đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn.

**3. Thời gian công khai:** 30 ngày, kể từ ngày 15/4/2017.

*UBND huyện Gia Lâm Thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2018./.*

#### **Nơi nhận:**

- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT HU-HĐND, UBND Huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện;
- Ban KT-XH HĐND Huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện;
- Tòa án nhân dân Huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc Huyện;
- Cổng thông tin điện tử Huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Le Anh Quân

Số: *M8*/BC-UBND

Gia Lâm, ngày *12* tháng 4 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý I năm 2018

#### I. Thu ngân ngân sách Nhà nước

**1. Tổng thu NSNN trên địa bàn:** Thực hiện Quý I đạt 428.445 triệu đồng, bằng 26,5% dự toán Thành phố và Huyện giao, bằng 139,7% so với cùng kỳ năm trước, gồm:

- Thuế ngoài quốc doanh: 82.723 triệu đồng bằng 26,9% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 115,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân: 21.353 triệu đồng bằng 31,9% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 104,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí và lệ phí: 8.201 triệu đồng bằng 63,1% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 96,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu về nhà, đất: 244.473 triệu đồng bằng 23,2% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 153,4% so với cùng kỳ năm trước:

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1.316 triệu đồng bằng 10,1% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 206,3% so với cùng kỳ năm trước.

+ Tiền thuê đất: 5.294 triệu đồng bằng 6,6% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 14,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu tiền sử dụng đất: 237.863 triệu đồng, bằng 24,8% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 196,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Lệ phí trước bạ: 39.920 triệu đồng bằng 26,8% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 123,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu quỹ đất công ích và HLCS tại xã: 3.015 triệu đồng bằng 27,4% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 164,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách: 2.260 triệu đồng, bằng 56,5% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 129,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất: 26.500 triệu đồng, bằng 189,3% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 248,1% so với cùng kỳ năm trước.

**2. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:** 610.525 triệu đồng.

**3. Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp:** 338.987 triệu đồng bằng 26,3% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 153,9% so với cùng kỳ năm trước, gồm:

- Từ các khoản thu phân chia: 48.169 triệu đồng.

- Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%: 290.818 triệu đồng.

(Chi tiết biểu số 93, 94 kèm theo)

## II. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách huyện thực hiện 363.244 triệu đồng bằng 17,5% dự toán huyện giao và bằng 170,6% so với cùng kỳ năm trước.

**1. Chi đầu tư XDCB:** Thực hiện 172.711 triệu đồng bằng 14,6% dự toán giao và bằng 303,5% so với cùng kỳ năm trước, gồm:

- Chi từ nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp: 4.260 triệu đồng bằng 4,7% dự toán giao.

- Chi từ tiền sử dụng đất: 167.374 triệu đồng bằng 17,4% dự toán giao và bằng 320,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi chương trình mục tiêu Thành phố: 1.077 triệu đồng bằng 0,9% dự toán giao và bằng 186,1% so với cùng kỳ năm trước.

**2. Chi thường xuyên:** Thực hiện 190.533 triệu đồng bằng 22,9% so với dự toán, bằng 130,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.360 triệu đồng bằng 3,3% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp môi trường: 26.092 triệu đồng bằng 56,3% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 87.004 triệu đồng bằng 21,9% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp y tế và Dân số kế hoạch hoá gia đình: 4.328 triệu đồng, bằng 53,7% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh: 2.107 triệu đồng bằng 21,9% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp TDTT: 186 triệu đồng, bằng 5,6% dự toán giao.

- Chi đảm bảo xã hội: 22.190 triệu đồng bằng 24,4% dự toán giao.

- Chi Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: 39.500 triệu đồng bằng 21,4% dự toán giao.

- Chi an ninh quốc phòng: 7.263 triệu đồng bằng 20,3% dự toán giao.

- Chi khác của ngân sách: 503 triệu đồng bằng 3,2% dự toán giao.

(Chi tiết biểu số 95 kèm theo)

## III. Đánh giá chung

**1. Thu ngân sách trên địa bàn** đạt kết quả cao tăng 39,7% so với cùng kỳ năm trước, một số chỉ tiêu thu hoàn thành mức cao như: Thu đóng góp XDCSHT và đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất đạt 189,3%; Thu phí, lệ phí đạt 63,1%; Lệ phí trước bạ nhà đất đạt 36,6%; Thuế thu nhập cá nhân đạt 31,9%,...

**2. Về chi ngân sách:** Cơ bản đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cấp, các ngành theo dự toán, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng,...

*UBND huyện Gia Lâm Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý  
I năm 2018.*

**Nơi nhận:**

- TT HU-HĐND; (để báo cáo)
- Ban KT-XH HĐND Huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc Huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Quân**

15/02/2018

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2018**

(Kèm theo Thông báo số 186 /TB-UBND ngày 12/4/2018 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2018	Thực hiện Quý I	So sánh TH QUÝ I (%)	
				Dự toán Huyện giao	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1 618 600</b>	<b>1 038 970</b>	<b>64,2</b>	<b>185,6</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>1 618 600</b>	<b>428 445</b>	<b>26,5</b>	<b>139,7</b>
1	Thu nội địa	1 618 600	428 445	26,5	139,7
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>610 525</b>		<b>241,1</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>2 078 396</b>	<b>363 244</b>	<b>17,5</b>	<b>170,6</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1 186 050	172 711	14,6	303,5
2	Chi thường xuyên	833 579	190 533	22,9	130,2
3	Dự phòng ngân sách	47 700			
4	Dành nguồn thực hiện Cải cách tiền lương	11 067			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên				

**THỰC HIỆN THU NSNN HUYỆN GIA LÂM QUÝ I NĂM 2018**

(Kèm theo Thông báo số: 186 /TB-UBND ngày 12/ 4 /2018 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý I	So sánh TH Quý I (%)	
				Cùng kỳ	Dự toán Huyện giao
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1 618 600</b>	<b>428 445</b>	<b>139,7</b>	<b>26,5</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>1 618 600</b>	<b>428 445</b>	<b>139,7</b>	<b>26,5</b>
1	Thuế ngoài quốc doanh	307 500	82 723	115,4	26,9
2	Thuế thu nhập cá nhân	67 000	21 353	104,2	31,9
3	Thu phí và lệ phí	13 000	8 201	96,5	63,1
4	Các khoản thu về nhà, đất	1 053 000	244 473	153,4	23,2
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>13 000</i>	<i>1 316</i>	<i>206,3</i>	<i>10,1</i>
	<i>Thu tiền thuê đất</i>	<i>80 000</i>	<i>5 294</i>	<i>14,1</i>	<i>6,6</i>
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>960 000</i>	<i>237 863</i>	<i>196,1</i>	<i>24,8</i>
5	Lệ phí trước bạ	149 100	39 920	123,2	26,8
	<i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>17 600</i>	<i>6 445</i>	<i>158,2</i>	<i>36,6</i>
	<i>Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy</i>	<i>131 500</i>	<i>33 475</i>	<i>118,2</i>	<i>25,5</i>
6	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS tại xã	11 000	3 015	164,2	27,4
7	Thu khác	4 000	2 260	129,7	56,5
8	Thu đóng góp XDCSHT và Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	14 000	26 500	248,1	189,3
-	Thu đóng góp XDCSHT		26 500	249,5	
-	Thu ĐB thiệt hại khi NN thu hồi đất	14 000			
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1 289 700</b>	<b>338 987</b>	<b>153,9</b>	<b>26,3</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	177 100	48 169	114,2	27,2
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	1 112 600	290 818	163,3	26,1

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2018**

(Kèm theo Thông báo số 186 /TB-UBND ngày 12/4/2018 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý I	So sánh TH Quý I (%)	
				Dự toán Huyện giao	Cùng kỳ năm trước
	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>2 078 396</b>	<b>363 244</b>	<b>17,5</b>	<b>170,6</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>1 186 050</b>	<b>172 711</b>	<b>14,6</b>	<b>303,5</b>
	<i>Trong đó: Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</i>	<i>263 700</i>			
1	Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp	91 200	4 260	4,7	100,6
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	960 000	167 374	17,4	320,4
3	Chi từ nguồn đóng góp, đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	14 000			
4	Chi từ nguồn CTMT thành phố	120 850	1 077	0,9	186,1
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>833 579</b>	<b>190 533</b>	<b>22,9</b>	<b>130,2</b>
	<i>Tr.đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL</i>	<i>26 037</i>	<i>26 037</i>	<i>100,0</i>	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	41 431	1 360	3,3	107,7
	- Sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi	6 807	396	5,8	95,5
	- Sự nghiệp giao thông	3 396	16	0,5	102,0
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	18 999			
	- Sự nghiệp khác	12 229	948	7,8	120,2
2	Chi sự nghiệp môi trường	46 318	26 092	56,3	368,7
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	397 566	87 004	21,9	114,8
	- Sự nghiệp Giáo dục	389 086	85 774	22,0	114,3
	- Sự nghiệp Đào tạo, dạy nghề	8 480	1 230	14,5	150,7
4	Chi sự nghiệp Y tế và dân số KHHGD	8 061	4 328	53,7	129,8
5	Chi sự nghiệp VH TT, Phát thanh truyền hình	9 611	2 107	21,9	83,8
6	Chi sự nghiệp TDTT	3 313	186	5,6	360,8
7	Chi đảm bảo xã hội	91 009	22 190	24,4	126,4
8	Chi quản lý hành chính, đảng đoàn thể	184 828	39 500	21,4	95,5
	- Chi quản lý Nhà nước	123 259	24 000	19,5	85,2
	- Hỗ trợ ngân sách Đảng	32 002	8 100	25,3	105,4
	- Chi hỗ trợ các Hội, Đoàn thể chính trị	29 567	7 400	25,0	133,1
9	Chi An ninh, Quốc phòng	35 783	7 263	20,3	112,9
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	18 563	3 970	21,4	110,3
	- Chi quốc phòng địa phương	17 220	3 293	19,1	116,4
10	Chi khác ngân sách	15 659	503	3,2	31,3
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>47 700</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				
<b>V</b>	<b>Dành nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>11 067</b>			

